TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U M T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2022
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Bà Phạm Thị Lan

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T: Không tham gia.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1979 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Minh Tr sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M Th, xã M, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/02/2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Tôi và anh Trần Minh Tr tự tìm hiểu yêu thương nhau được sự thống nhất của gia đình 02 bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh Tr nhiều lần đánh đập tôi, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đến năm 2020 chúng tôi ly thân cho đến nay.

Tôi xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung: 1/Trần Văn T sinh ngày 01 /01/1998; 2/ Trần Thị Ngọc Đ, sinh ngày 28/9/2003. Các con hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh Trần Minh Tr không đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng phía anh Trần Minh Tr vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Minh Tr là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Trần Minh Tr. Đây là tranh chấp việc ly hôn và nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị P và anh Trần Minh Tr tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý chị P và anh Tr không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Trần Thị P và anh Trần Minh Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng chị P và anh Tr có 02 người con chung Trần Văn T sinh ngày 01 /01/1998 giới tính nam; 2/ Trần Thị Ngọc Đ, sinh ngày 28/9/2003. Giới tính nữ. Các con đã trưởng thành, chị P, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng chị P, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì Chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003283 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị P không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, Điều, 227; 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị P với anh Trần Minh Tr là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Vợ chồng chị P và anh Tr có 02 người con chung Trần Văn T sinh ngày 01 /01/1998 giới tính nam; 2/ Trần Thị Ngọc Đ, sinh ngày 28/9/2003. Giới tính nữ. Các con đã trưởng thành, chị P, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.Chị P được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003283 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị P không phải nộp thêm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Minh Tr vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H. U M T;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U M T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi